

Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam

Đặng Thị Lệ Tâm

Trưởng Đại học Sư phạm Thái Nguyên
20 Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Email: letamsptn79@gmail.com

TÓM TẮT: *Ngôn ngữ là sự thể hiện sâu sắc nhất một nền văn hóa và yếu tố văn hóa hiện diện trong mọi bình diện của ngôn ngữ. Dạy học theo quan điểm giao tiếp nói chung và dạy văn hóa giao tiếp nói riêng là một trong những tư tưởng chủ đạo của chiến lược dạy học tiếng mẹ đẻ ở trường phổ thông. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Phát triển giáo dục vùng đồng bào các dân tộc thiểu số là nhiệm vụ chiến lược. Vì vậy, việc tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt ở các tỉnh miền núi phía Bắc là cần thiết, nhằm trang bị cho các em một số kĩ năng giao tiếp, nâng cao năng lực cá nhân và chất lượng cuộc sống, tiến tới thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhân cách học sinh.*

TỪ KHÓA: *Tích hợp; tiếng Việt; văn hóa giao tiếp; học sinh tiểu học; dân tộc thiểu số.*

→ Nhận bài 09/12/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/12/2019 → Duyệt đăng 25/01/2020.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là một mặt của văn hoá, là nơi tàng trữ văn hoá và biểu hiện văn hoá của cá nhân, gia đình và của toàn xã hội. Ngôn ngữ và văn hoá, cụ thể là văn hoá giao tiếp - văn hoá ứng xử không thể tách rời nhau. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang sống trong một thế giới hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng. Công cuộc hội nhập và phát triển ấy đã tạo ra một “thế giới phẳng” khiến cho khoảng cách giữa các dân tộc, quốc gia và con người được rút ngắn lại rất nhiều, cử chỉ, cách xưng hô cũng ảnh hưởng, pha trộn nhau...khiến cho tính văn hóa, đạo đức trong ngôn ngữ giao tiếp ít nhiều bị ảnh hưởng.

Các nước phát triển trên thế giới đều quan tâm nghiên cứu vấn đề văn hóa giao tiếp (VHGT) và đưa nội dung này vào dạy học trong nhà trường từ tiểu học (TH) đến đại học. Xu hướng phát triển chung của giáo dục (GD) các nước tiên tiến trên thế giới là hướng đến việc hình thành các loại năng lực cho học sinh (HS), trong đó giao tiếp có văn hóa là một năng lực quan trọng. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Phát triển GD vùng đồng bào các dân tộc thiểu số là nhiệm vụ chiến lược được xác định bởi Đảng và Nhà nước ta nhằm đưa các dân tộc sớm thoát khỏi tình trạng đói nghèo, lạc hậu, tiến tới công bằng trong xã hội... Việc kế thừa và bảo tồn văn hóa ngôn ngữ của dân tộc phải đặt trên phạm vi toàn xã hội, nhưng quan trọng và nòng cốt nhất là nhà trường phổ thông, đặc biệt là nhà trường TH - nơi đặt những “viên gạch” nền móng cho hệ thống GD phổ thông, quan trọng hơn là sự hình thành và phát triển nhân cách con người sau này.

GD kĩ năng sống nói chung và kĩ năng giao tiếp có văn hóa nói riêng trong nhà trường TH không được tiến hành như một môn học hay một hoạt động GD cụ thể mà được triển khai bằng phương pháp tích hợp vào một số môn học có tiềm năng, trong đó có môn Tiếng Việt. Vì vậy, việc tích hợp GD VHGT cho HS TH qua môn Tiếng Việt ở các tỉnh

miền núi phía Bắc là cần thiết, giúp trang bị cho các em một số kĩ năng giao tiếp cơ bản và thể hiện VHGT trong cuộc sống, góp phần nâng cao năng lực cá nhân và chất lượng cuộc sống, tiến tới thực hiện mục tiêu GD toàn diện nhân cách HS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Văn hóa giao tiếp, vai trò của giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học

2.1.1. Văn hóa giao tiếp

Trong quá trình phát triển của lịch sử xã hội, luôn luôn diễn ra sự giao tiếp giữa người với người. VHGT là một phạm trù mang tính xã hội mà trong đó yếu tố văn hóa chỉ được đề cập đến trong phạm vi giao tiếp. VHGT là những hiểu biết về phong tục, tập quán, của đời sống xã hội. Một người có hành vi ứng xử đúng đắn khi giao tiếp phải tuân theo những chuẩn mực xã hội nhất định, hành động theo một số quy ước và yêu cầu mà mọi người cho là thích hợp nhất. VHGT là một bộ phận trong tổng thể văn hóa nhằm chỉ quan hệ giao tiếp có văn hóa của mỗi người trong xã hội (Giao tiếp một cách lịch sự, thái độ thân thiện, cởi mở, chân thành, thể hiện sự tôn trọng), là tổ hợp các thành tố: lời nói, cử chỉ, hành vi, thái độ, cách ứng xử...

GD VHGT nghĩa là giúp HS làm chủ các công cụ và hình thức giao tiếp cũng như biết ứng xử một cách có văn hóa trong những tình huống khác nhau là nhiệm vụ quan trọng của nhà trường. Tuy nhiên, đó chưa phải là tất cả, cái chính là giúp HS có khả năng giao tiếp với nhau. Để có điều đó, ngoài VHGT, HS phải được GD về tâm lí giao tiếp, lối sống, quan niệm và những phẩm chất như sự chân thành, cởi mở, không ích kỉ, không khép kín, biết chấp nhận cái khác mình, chấp nhận đối thoại. Đây mới là “gốc” của sự giao tiếp.

2.1.2. Vai trò của giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh

- GD VHGT góp phần hình thành nhân cách cho HS:

Trong cuộc sống, giao tiếp có văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng vì việc vận dụng VHGT vào trong cuộc sống của mỗi con người chính là năng lực vận dụng có hiệu quả những tri thức về giao tiếp, từ đó hình thành và hoàn thiện nhân cách con người, giúp con người có một vị thế nhất định trong xã hội. HS ở cấp TH đang trong giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách, vì vậy từ giao tiếp đến giao tiếp có văn hóa đóng vai trò vô cùng quan trọng bởi vì nhờ có giao tiếp, HS tự tin tham gia vào các hoạt động của nhà trường, gia đình và xã hội. Trong quá trình tham gia các hoạt động và giao tiếp, các em biết nói lời yêu cầu, đề nghị, nói lời cảm ơn, xin lỗi, biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng người khác, biết bày tỏ thái độ, quan điểm của mình trước những tình huống trong cuộc sống hàng ngày. Từ đó, giúp các em tự tin hơn, mạnh dạn hơn trong cuộc sống.

- GD VHGT tạo nên giá trị sống tích cực của HS: GD VHGT cho HS TH giữ vai trò rất to lớn trong việc bắt đầu tạo nên hệ giá trị sống cho các em, giúp các em thể hiện được giá trị của bản thân vào cuộc sống và từ đó các em trưởng thành với một hệ giá trị tích cực bởi thành quả của quá trình GD. Bên cạnh đó, việc GD VHGT còn xây dựng và tạo lên nét văn hóa trong nhà trường. Đó là văn hóa ứng xử và VHGT.

- GD VHGT giúp HS tạo lập các mối quan hệ trong cuộc sống: Đối với lứa tuổi học trò, giao tiếp là phương tiện cho phép HS xây dựng cầu nối với bạn bè, với các nền văn hóa của nhân loại, với thầy cô giáo, với người khác và với chính bản thân mình; Thuyết phục người khác chấp nhận ý kiến của mình để giải quyết các vấn đề học tập, rèn luyện và bày tỏ được nhu cầu của bản thân. Giao tiếp là một nội dung quan trọng của GD và GD đang thực hiện nội dung giao tiếp để giúp HS hình thành nhân cách, giúp các em có thể vận dụng vào các mối quan hệ xã hội và phục vụ xã hội. Do vậy, GD VHGT cho HS TH có vai trò vô cùng quan trọng và cần phải được áp dụng, phổ biến rộng rãi trong nhà trường hiện nay.

2.2. Đặc điểm về môi trường sống, kĩ năng giao tiếp của học sinh tiểu học khu vực miền núi phía Bắc

2.2.1. Đặc điểm về môi trường sống của học sinh tiểu học miền núi phía Bắc

Các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam chủ yếu sinh sống ở những vùng núi cao, nơi có khí hậu khắc nghiệt, địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn nên chất lượng cuộc sống và trình độ dân trí còn rất thấp. Các dân tộc thiểu số ở đây có thể sống xen kẽ trong các cộng đồng người Kinh hoặc cư trú riêng biệt theo một cộng đồng văn hoá theo vùng như: H' mông, Mường, Thái, Giáy, Hà Nhì... Do sinh sống ở khu vực có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, cuộc sống lại gắn liền với nông nghiệp nên đời sống của các dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc còn gặp rất nhiều khó khăn. HS TH ở vùng núi, ngoài việc đến trường, các em còn phải phụ giúp gia đình để kiếm sống. Chính những yếu tố như: môi trường sinh sống, điều kiện kinh tế, phong tục tập quán... đã và đang tạo ra những nguy cơ, thách thức đối với sự phát triển của các em. Vì

vậy, việc GD cho HS kĩ năng sống nói chung, kĩ năng giao tiếp nói riêng có ý nghĩa to lớn. Bên cạnh đó, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, việc mở rộng, tăng cường giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc, các khu vực cũng tác động không nhỏ đến HS TH miền núi phía Bắc. Do có những hạn chế về môi trường giao tiếp nên khi HS tiếp xúc với cuộc sống bên ngoài thường thiếu tự tin, dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động tiêu cực.

2.2.2. Đặc điểm kĩ năng giao tiếp của học sinh tiểu học miền núi phía Bắc

Do tính chất đặc thù, trong quá trình học tập, giao tiếp ở gia đình và ở trường, HS TH người dân tộc thiểu số sử dụng cả hai ngôn ngữ: tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt. Trong đó, ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ vẫn là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến hơn. Khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt còn hạn chế và có nhiều khó khăn. Trong trường học, ngôn ngữ phổ thông vẫn được coi là phương tiện, công cụ cơ bản để tổ chức quá trình dạy học, gợi mở tư duy cho HS nên nhiều em ngại phát biểu, thảo luận, nêu ý kiến vì sợ sai, xấu hổ. Bên cạnh đó, đối tượng giao tiếp của HS TH miền núi phía Bắc chủ yếu là những bạn bè, thầy cô trong trường, người thân, người cùng bản, cùng thôn, rất ít khi được mở rộng các mối quan hệ giao tiếp. Do vậy, quá trình giao tiếp của HS TH miền núi phía Bắc trong môi trường trường học nói riêng, môi trường xã hội nói chung còn nhiều khó khăn và hạn chế.

2.3. Khả năng giáo dục văn hóa giao tiếp qua môn Tiếng Việt ở tiểu học

Môn Tiếng Việt ở trường TH có nhiệm vụ hình thành và phát triển ở HS các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (đọc, viết, nghe, nói) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi. Thông qua hoạt động dạy và học, môn Tiếng Việt góp phần rèn luyện các thao tác tư duy, góp phần mở rộng hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người. Do vậy, chương trình và nội dung dạy học môn Tiếng Việt ở TH chứa đựng nhiều nội dung liên quan đến kĩ năng giao tiếp và có khả năng tích hợp GD VHGT rất cao.

Ở TH, HS đã được học những nội dung khá cụ thể để rèn luyện năng lực giao tiếp, được tiếp cận với phương pháp dạy học theo quan điểm giao tiếp để thực hiện nhiệm vụ này. Các kĩ năng này đều được rèn luyện cho HS từ lớp 1 đến lớp 5, theo những mức độ yêu cầu phù hợp với lứa tuổi. Ví dụ: Lớp 1 được học nói lời chào hỏi, chia tay trong gia đình, trường học, trả lời câu hỏi... Lớp 2, các em được học để biết kể một mẩu chuyện hoặc một đoạn của câu chuyện được nghe hay nói lời giới thiệu đơn giản về bản thân, gia đình, bạn bè, trường lớp theo gợi ý... Lớp 3, các em được rèn luyện về đặt câu hỏi về vấn đề chưa biết, trả lời câu hỏi của người đối thoại... Lớp 4, các em được rèn luyện để bày tỏ ý kiến riêng khi trao đổi, thảo luận về vấn đề gần gũi; đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi làm rõ vấn đề trong trao đổi, thảo luận; giới thiệu về con người, lịch sử, văn hoá địa phương... Lớp 5, lớp cuối cùng của cấp TH, các em được rèn luyện VHGT bằng cách học thuật lại sự việc đã chứng

kiến hoặc tham gia; bày tỏ ý kiến, thái độ về vấn đề đang trao đổi, thảo luận hay giới thiệu về lịch sử, văn hoá, các nhân vật tiêu biểu,... của địa phương. Theo đánh giá của các chuyên gia GD, nội dung rèn luyện năng lực giao tiếp trong chương trình Tiếng Việt ở cấp TH rất phong phú, bước đầu tiếp cận được với xu thế chung của thế giới.

2.4. Các biện pháp tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc qua môn Tiếng Việt

2.4.1. Khai thác nội dung và lựa chọn các bài học phù hợp để giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc

Vì những đặc trưng mang tính khác biệt về lối sống, sinh hoạt, quá trình giao tiếp của HS TH miền núi phía Bắc cũng mang những nét khác biệt với HS người Kinh. Nhiều dân tộc thiểu số sống xen kẽ với nhau và với cộng đồng người Kinh làm cho môi trường giao tiếp mang tính đa ngôn ngữ. Ngay trong cùng một lớp ở TH cũng có nhiều dân tộc khác nhau. Do đó, xuất hiện nhiều trình độ khác nhau, nhiều phong cách sử dụng tiếng Việt khác nhau. Đối tượng, môi trường giao tiếp cũng hạn hẹp, chỉ tập trung quanh bạn bè, người thân. Chính những hạn chế về các mối quan hệ giao tiếp, sự khó khăn trong sử dụng ngôn ngữ phổ thông, thiếu tự tin trong giao tiếp đã làm cho HS TH miền núi có những hạn chế về kỹ năng giao tiếp như: rụt rè trong giao tiếp với người lạ, thiếu mềm mỏng và bộc lộ cảm xúc rõ rệt khi giao tiếp, chưa chủ động trong các hoạt động nhóm, chưa biết kết hợp ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp, chưa nhận thức, đánh giá được vai trò của bản thân trong các mối quan hệ xã hội... Do đó, trong GD VHGT cần phải chú ý tập trung và rèn luyện cho các em mạnh dạn trong giao tiếp, biết sử dụng tiếng phổ thông để bày tỏ ý kiến cá nhân một cách tự tin, cụ thể là các kỹ năng sau: kỹ năng tự tin, chủ động trình bày, nêu vấn đề, kỹ năng thương lượng và xử lý mâu thuẫn, kỹ năng hợp tác và làm việc tập thể, kỹ năng giao tiếp với người lạ, kỹ năng bày tỏ ý kiến đề nêu quan điểm của bản

thân, kỹ năng xác định giá trị của bản thân.

Tên cơ sở nội dung GD VHGT thông qua rèn luyện các kỹ năng được xác định ở trên, xem xét toàn bộ các nội dung dạy học của môn Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5 để xác định các bài học phù hợp với việc thực hiện GD VHGT cho HS TH miền núi, chúng tôi thấy trong sách giáo khoa Tiếng Việt TH hiện hành có nhiều bài học mà tên gọi của nó đã nói rõ mục tiêu GD kỹ năng giao tiếp xã hội, giao tiếp có văn hóa như: Chào hỏi, tự giới thiệu; Cảm ơn, xin lỗi; Chia buồn, an ủi; Chia vui; Mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị; Đáp lời chào, lời tự giới thiệu; Đáp lời cảm ơn, xin lỗi; Gọi điện, Tập tổ chức cuộc họp, Phát biểu và điều khiển cuộc họp; Thuyết trình và tranh luận; Giới thiệu hoạt động; Giới thiệu địa phương; Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị; Dùng câu hỏi vào mục đích khác; Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia...

Đó là những bài học có nội dung gắn gũi với cuộc sống của HS TH miền núi phía Bắc, chứa đựng những vấn đề cần thiết làm nảy sinh động cơ, hứng thú học tập cho HS, phù hợp với tư duy, nhận thức của HS. Ngoài ra, nội dung bài học có thể xây dựng được các tình huống hoặc gắn với các vấn đề, sự việc gần gũi xung quanh cuộc sống thực. Qua đó, GV khai thác và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học để HS được hoạt động, tương tác, trải nghiệm, từ đó hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho các em.

2.4.2. Xây dựng quy trình, sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tích cực để giáo dục văn hóa giao tiếp

a. Xây dựng quy trình dạy học

Xây dựng phương pháp dạy học để tổ chức thực hành các bài tập giao tiếp cho HS tức là xây dựng các bước nhằm cụ thể hoá những hành động và các thao tác của GV và HS trong hoạt động giao tiếp đó. Có như vậy sẽ giúp đỡ GV hình dung trước việc làm cụ thể của mình và dự kiến việc làm của HS trong quá trình tổ chức thực hành các bài tập

Bảng 1: Các bước rèn cho HS kỹ năng giao tiếp

Các bước	Mục đích	Vai trò của GV và HS	Các phương pháp dạy học
1. Tạo hoàn cảnh giao tiếp	- Kích thích HS tự tìm hiểu những kiến thức, kỹ năng sắp học. - Giúp GV đánh giá, xác định thực trạng kiến thức, kỹ năng của HS trước khi giới thiệu vấn đề mới.	- GV lập kế hoạch, khởi động, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, ghi chép. - HS cần chia sẻ, trao đổi, phản hồi, xử lý thông tin...	- Rèn luyện theo mẫu - Thực hành đóng vai - Phân tích tình huống giao tiếp
2. Nhận biết kiến thức, kỹ năng bài học	- Giới thiệu thông tin, kiến thức và kỹ năng mới thông qua việc tạo cầu nối liên kết giữa cái “đã biết” và “chưa biết”. Cầu nối này sẽ kết nối kinh nghiệm hiện có của HS với bài học mới.	- GV nên đóng vai trò của người hướng dẫn. - HS là người phản hồi, trình bày quan điểm, ý kiến.	- Phân tích tình huống giao tiếp - Rèn luyện theo mẫu - Thảo luận nhóm - Thực hành đóng vai
3. Thực hành tình huống mới	- Tạo cơ hội cho người học thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng mới vào những tình huống mới - Điều chỉnh những hiểu biết và kỹ năng	- GV đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ. - HS đóng vai trò là người thực hiện, khám phá.	- Thảo luận nhóm - Thực hành đóng vai
4. Vận dụng kiến thức, kỹ năng	Tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào các tình huống mới.	- GV hướng dẫn và đánh giá. - HS lập kế hoạch, giải quyết vấn đề và tự đánh giá.	- Thảo luận nhóm - Thực hành đóng vai

giao tiếp. Theo chúng tôi, dựa vào đặc thù của giờ học tiếng mẹ đẻ, việc rèn cho HS kĩ năng giao tiếp nên tiến hành theo các bước sau (xem Bảng 1):

b. Sử dụng một số phương pháp và hình thức dạy học tích cực

Phương pháp phân tích tình huống giao tiếp (thông qua múa rối): Một trong những đặc điểm nổi bật về tâm lí của HS TH người dân tộc thiểu số là tư duy dựa trên những hình ảnh trực quan sinh động. Nếu việc dạy học được tổ chức với những hình ảnh trực quan cụ thể để HS nhìn nhận, quan sát, đánh giá thì khả năng thu nhận, xử lí, phân tích thông tin sẽ dễ dàng hơn, HS sẽ thuận lợi hơn trong việc tiếp cận tìm hiểu và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Do đó, việc tổ chức nghiên cứu, phân tích tình huống bằng múa rối có vai trò quan trọng và phù hợp với GD kĩ năng giao tiếp cho HS TH miền núi. Đối với các dân tộc thiểu số phía Bắc, rối cạn xuất hiện khá nhiều. Múa rối cạn, nhất là rối dây và rối que là loại hình nghệ thuật đặc trưng trong các lễ hội đầu năm, Tết Nguyên Đán, hội Lồng Tồng, các dịp cúng bái... của người Tày, Nùng, Thái... Do đó, nếu đưa các nhân vật rối vào trong các tiết dạy, cùng với các câu chuyện được xây dựng vừa mang những nét bản sắc văn hóa riêng của dân tộc, vừa gắn với những vấn đề nhân loại, hiện đại thì sẽ là môi trường thuận lợi để GD VHGT cho HS đạt hiệu quả cao.

Trong quá trình thực hiện phân tích tình huống, GV cần nêu và giải thích tình huống giao tiếp sau khi HS đọc đề bài. Cần làm rõ, giải thích cho các em hiểu phải nói với ai, nói trong trường hợp nào, nói nhằm mục đích gì (cảm ơn, xin lỗi, an ủi...), nói ở đâu (ở trường, ở nhà, ở những nơi công cộng...). Ví dụ: Bạn em ra vào bàn, làm rơi cái lọ. Em nhanh tay đỡ được. Bạn khâm phục: “*Cậu nhanh thật đấy!*” (Tiếng Việt 2, tập 2, trang 142). Có thể dạy bài tập trên theo hướng phân tích hội thoại. GV chuẩn bị hai con rối bằng bìa hoặc bằng vải đóng vai hai bạn HS, diễn lại tình huống. Sau đó, GV nêu ra lần lượt câu hỏi để phân tích các yếu tố tạo thành tình huống giao tiếp giả định có trong đầu bài: Có mấy nhân vật giao tiếp? (hai nhân vật); Đó là những ai? (em và bạn em); Cuộc nói chuyện xảy ra ở đâu? (trong lớp học); Trong hoàn cảnh nào? (bạn em ra vào bàn, làm rơi cái lọ, em đỡ được); Sự kiện nào đã làm nảy sinh đề tài cuộc giao tiếp? (bạn khâm phục “*Cậu nhanh thật đấy!*”).

Việc đưa rối vào xuất hiện ngay vào hoạt động đầu tiên của giờ học sẽ kích thích sự chú ý của HS vào bài học hơn, kích thích nhận thức, hứng thú học tập, gắn kết những kiến thức các em đã có bên ngoài cuộc sống với kiến thức của bài học mới. Thông qua việc tìm hiểu, giải quyết tình huống, HS được kiến tạo tri thức mới từ những kiến thức sẵn có, quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Đặc biệt, thông qua hành động, cách suy nghĩ, cách ứng xử của nhân vật rối vải, cùng với sự dẫn dắt, điều khiển của GV sẽ giúp người học bước đầu tiếp cận đến cái đúng, cái sai, nhận biết được tri thức và các giá trị cơ bản trong bài học. Do đó, có thể coi con rối chính là một nhân vật mẫu điển hình để định hướng cho HS hình thành động cơ học tập, hướng tới việc hình thành

và rèn luyện những hành vi đúng, tích cực trong giao tiếp.

Phương pháp rèn luyện theo mẫu: Vốn sống, vốn kiến thức, vốn ngôn ngữ... của HS TH chưa phong phú nên cần dạy học thông qua mẫu để các em dễ quan sát, nhận diện và làm theo. Trong rèn luyện kĩ năng giao tiếp cho HS TH, người dạy cố gắng trực quan hoá nội dung dạy học để HS có thể dễ dàng nắm bắt kiến thức. Việc giảng giải, hướng dẫn của GV đối với các em cũng đòi hỏi sự giản dị, dễ hiểu, sao cho có thể đơn giản hoá những điều phức tạp. Để giúp HS phát triển được ngôn ngữ nói và luyện tập các kĩ năng giao tiếp, GV có thể vận dụng phương pháp rèn luyện theo mẫu với các bước sau đây:

- GV cung cấp mẫu lời nói hoặc hành động lời nói.
- GV hướng dẫn HS phân tích mẫu.
- HS mô phỏng mẫu để tạo ra lời nói của mình.
- GV kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm.

GV có thể tổ chức cho HS luyện nói theo trình tự dựa trên tình huống sau: Khi gia đình có khách đến thăm và cho em quà, em cần phải làm gì?

GV giới thiệu câu - nói mẫu lần 1

Ví dụ: Cháu chào bác ạ!; Cháu xin; Cháu cảm ơn Bác!

GV nói mẫu lần 2 - HS nói theo. HS luyện nói (cá nhân, trong nhóm). Lưu ý: GV nói mẫu cần chuẩn, chậm, nói rõ từ ở một mức độ nào đó cần nói chậm, nói rõ từ (chấp nhận lời nói có thể không được tự nhiên). Khi HS đã nắm được cách sử dụng đúng từ, nói đúng câu, các em sẽ dễ dàng hơn trong việc nói và viết đúng câu trong diễn đạt bằng lời nói cũng như vận dụng trong quá trình thực hành làm các bài tập giao tiếp.

Phương pháp quan sát kết hợp thảo luận nhóm: Phương pháp thảo luận nhóm là phương pháp dạy học có tính tương tác cao giữa các cá nhân HS, giúp HS được tham gia vào một môi trường học tập có sự cọ xát với tập thể, HS được khuyến khích, được góp ý, hướng dẫn... hay nói một cách khác có sự phát triển vai trò của cá nhân trong tập thể. Phương pháp này góp phần giúp các em làm chủ bản thân, biết mình, biết người để hòa nhập và cải thiện các hành vi xã hội. Như vậy, có thể nói phương pháp thảo luận nhóm có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kĩ năng giao tiếp cho HS. Khi tổ chức cho HS thảo luận nhóm, sẽ tạo điều kiện và cơ hội cho các em được trình bày, biểu đạt ý hiểu của mình, tiếp cận thông tin của các bạn khác, từ đó góp phần rèn luyện kĩ năng giao tiếp, kĩ năng ra quyết định để giải quyết vấn đề cho HS. Việc sử dụng phương pháp quan sát sẽ phát huy lợi thế của HS TH người dân tộc thiểu số (thích quan sát, thích nhìn nhận vấn đề một cách cụ thể), còn việc sử dụng phương pháp thảo luận nhóm sẽ giúp các em khắc phục những hạn chế của mình (giúp hiểu vấn đề sâu sắc hơn, đi sâu vào việc tìm ra bản chất của các hành động, sự việc, hiện tượng).

Như vậy, sự kết hợp giữa phương pháp thảo luận nhóm và phương pháp quan sát với nhau là sự kết hợp phù hợp trong dạy học môn Tiếng Việt. Qua quan sát và thảo luận nhóm, năng lực ngôn ngữ và tư duy của HS được phát triển. Khi tổ chức cho HS thực hành, GV cần chú ý khai thác, phát

hiện và phát triển năng lực tiếng mẹ đẻ của các em, phát huy kinh nghiệm bản ngữ, tạo cơ hội để HS tạo lập được nhiều lời nói tự nhiên trong quá trình thảo luận giúp cho việc luyện nói các nghi thức giao tiếp đối với các em trở nên nhẹ nhàng, thiết thực và hiệu quả hơn.

Ví dụ: Hãy nói 3, 4 câu về nội dung bức tranh, trong đó có dùng lời cảm ơn hay xin lỗi thích hợp.



(Tiếng Việt 2, tập 1, trang 38)

Sau khi GV tổ chức cho HS nghiên cứu tình huống bằng múa rối, có thể tổ chức cho các em quan sát kết hợp thảo luận nhóm các bức tranh 1, 2 trong SGK. GV có thể tổ chức cho HS quan sát theo nhóm 2 người/1 bức tranh. Tranh 1: Tranh có những ai? Người nào đã cho bé gấu bông? Em đoán xem em bé sẽ nói gì khi nhận gấu bông? Tranh 2: Tranh có những ai? Cái gì rơi vỡ dưới nền nhà? Ai làm rơi vỡ? Bạn nhỏ nói gì với mẹ?

GV nên khai thác tranh ảnh trong sách giáo khoa làm đối tượng quan sát, đặc biệt là các tranh ảnh liên quan đến việc nhận xét, đánh giá hành động đúng/sai của các nhân vật trong các tranh. Điều đó sẽ giúp HS tìm hiểu, phát hiện ra các tri thức cơ bản của bài học, từ đó rút ra nhận xét về những việc nên làm và không nên làm phù hợp với các tri thức, kỹ năng trong bài học.

Khi HS thực hành luyện nói, GV cần nhắc nhở các em nói rõ ràng, thành câu và bước đầu nói đúng ngữ điệu các loại câu cơ bản (câu trần thuật, câu cầu khiến và câu hỏi). Khi các em nói, GV cần chú ý quan sát và lắng nghe để nhận xét, tư thế, tác phong khi nói và sửa lỗi phát âm, lỗi dùng từ, đặt câu... của các em.

- Phương pháp tổ chức trò chơi (đóng vai): Phương pháp đóng vai là một phương pháp trong nhóm các phương pháp dạy học thực hành. Trong việc học tiếng Việt, phương pháp đóng vai có vai trò rất quan trọng để rèn các kỹ năng thông qua việc tổ chức cho HS tiến hành các hoạt động giao tiếp nghe - nói, hỏi - đáp. Nếu như hướng phân tích tình huống giao tiếp dùng phương pháp hỏi đáp (giữa thầy và trò hoặc giữa trò và trò) là chính để phân tích cuộc hội thoại thì hướng thực hành giao tiếp hội thoại, công việc chủ yếu là tập trung tạo ra cuộc hội thoại phù hợp yêu cầu đề bài bằng cách đóng vai.

Đối với HS TH người dân tộc thiểu số, do tư duy chủ yếu

dựa trên các hình ảnh trực quan cụ thể nên các tình huống khi đóng vai phải được GV thể hiện rõ ràng. Tình huống đó phải giúp HS nhận thấy được số lượng các nhân vật trong tình huống, hoàn cảnh diễn ra tình huống, mâu thuẫn cần giải quyết, lời thoại giữa các nhân vật. Ví dụ, trong bài “Chào hỏi, tự giới thiệu” (Tiếng Việt 2, tập 1, trang 20) có bài tập: *Nhắc lại lời các bạn trong tranh.*



Đây là bài tập nhằm giúp HS quan sát các nghi thức giao tiếp, tập nói lại các nghi thức này, từ đó làm cơ sở để HS tập nói các lời nói ấy trong giao tiếp. Song xét về khả năng phát triển lời nói thì dạng bài tập này có phần hạn chế khả năng vận dụng tính linh hoạt của HS. Chính vì vậy, các dạng bài tập này chỉ nên sử dụng trong thời gian đầu khi dạy nghi thức lời nói. Để khắc phục nhược điểm trên, ta có thể sử dụng trò chơi đóng vai với việc đổi yêu cầu của bài tập thành: “Em cùng các bạn đóng vai Mít, Bóng Nhựa và Bút Thép để nói lời chào hỏi và tự giới thiệu”. Như vậy, bài tập này không mang tính “bắt chước” như trước nữa, HS được thực sự nhập vai vào các nhân vật và tự giới thiệu về mình. Các em bước đầu học được cách thể hiện khi nói lời chào hỏi, tự giới thiệu qua ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt... Thông qua dựng lại các tình huống, HS được tiếp cận với những vấn đề thực của cuộc sống hàng ngày. Việc các em được trải nghiệm, xử lý các tình huống cụ thể sẽ tạo cơ hội cho người học được thực hành và trải nghiệm những kiến thức, hiểu biết, kỹ năng của mình trong một môi trường an toàn trước khi tham gia vào các tình huống thực trong cuộc sống. Từ đó, các em biết phân tích vấn đề để tìm giải pháp và có thể lựa chọn ra cho mình một giải pháp tối ưu nhất. Do đó, có thể nói, việc thực hành giao tiếp thông qua trò chơi đóng vai rất quan trọng trong việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, hợp tác làm việc tập thể, rèn tư duy phê phán, thương lượng, ra quyết định và giải quyết vấn đề.

3. Kết luận

Tăng cường tiếng Việt, GD VHGT cho HS TH miền núi phía Bắc là việc làm thiết thực để nâng cao chất lượng GD nói chung và chất lượng HS dân tộc thiểu số nói riêng. Việc GD VHGT cho HS TH miền núi phía Bắc được thực hiện với định hướng thông qua dạy học môn Tiếng Việt

và tổ chức hoạt động ngoại khóa nhưng không phải là lồng ghép, tích hợp thêm kỹ năng giao tiếp, VHGT vào nội dung môn Tiếng Việt mà theo một cách tiếp cận mới, đó là sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để tạo điều kiện, cơ hội cho HS được thực hành, trải nghiệm

kỹ năng giao tiếp, VHGT trong quá trình học tập. Với cách tiếp cận này sẽ không làm nặng nề, quá tải thêm nội dung môn học và hoạt động GD mà ngược lại còn làm cho các giờ học trở nên nhẹ nhàng hơn, thiết thực và bổ ích hơn đối với HS TH.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2011), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Đỗ Hữu Châu, (2004), *Dụng học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Khổng Diễn, (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Hữu Đạt, (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Đỗ Việt Hùng, (2011), *Định hướng giáo dục ngôn ngữ (từ góc độ văn hóa ngôn từ)*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 01.
- [6] Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), (2003 - 2006), *Sách Tiếng Việt 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Trí, (2008), *Một số vấn đề về dạy hội thoại cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

COMMUNICATIVE CULTURE EDUCATION FOR PRIMARY STUDENTS THROUGH TEACHING VIETNAMESE LANGUAGE IN MOUNTAINOUS PROVINCES OF NORTHERN VIETNAM

Dang Thi Le Tam

Thai Nguyen University of Education
20 Luong Ngoc Quyen, Thai Nguyen city,
Thai Nguyen province, Vietnam
Email: letamsptn79@gmail.com

ABSTRACT: *Language is the most profound expression of a culture and cultural elements are present in every aspect of a language. Communication-based teaching in general and communication culture teaching in particular is one of the main ideas of the mother tongue language teaching strategy in high schools. Vietnam is a multi-ethnic country. Developing education in ethnic minority areas is a strategic task. Therefore, it is necessary to integrate communicative culture education for elementary school students into Vietnamese subject in the Northern mountainous provinces, which contributes to improving personal competence and life quality for students in order to achieve the goal of comprehensive education of students' personality.*

KEYWORDS: *Integration; Vietnamese; communication culture; primary students; ethnic minorities.*